TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ BẢY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH HG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Triệu
2. Bà Đỗ Thị Tể

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh HG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo. Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh HG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc T , sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi A2, xã T, huyện P , tỉnh HG. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T , sinh năm: 1978

Địa chỉ: Khu vực 1, phường H , thị xã N , tỉnh HG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/7/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:

1. Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N , tỉnh HG. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn và bị đơn bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau từ đó mâu thuẫn kéo dài và sống ly thân. Nay không còn tình cảm với bị đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh T .

2. Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Diệu A, (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 24/5/2007 hiện đang sống với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn Nguyễn Thanh T nhiều lần nhưng vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay bị đơn không gửi văn bản ý kiến, vắng không có lý do nên không có lời trình bày.

Cháu Nguyễn Thị Diệu A trình bày: Cha là Nguyễn Thanh T và mẹ là Nguyễn Ngọc T sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T và bị đơn Nguyễn Thanh T . Về con chung giao C A cho nguyên đơn nuôi dưỡng; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm.

Về thủ tục tố tụng. Bị đơn Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T và bị đơn Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006 và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình theo giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01, ngày 24/10/2006 nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn, bị đơn có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn thương yêu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho nguyên đơn và bị đơn

nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Diệu A , (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 24/5/2007 hiện đang sống chung nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng C A và chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. C A có nguyện vọng sống cùng nguyên đơn. Để đảm bảo môi trường sống và học tập của C A Hội đồng xét xử giao C A cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi C A đủ 18 (Mười tám) tuổi. Bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T . Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diệu A, (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 24/5/2007 cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi C A đủ 18 (Mười tám) tuổi. Bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007730 ngày 05/7/2017

tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh HG thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 08/9/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường H./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- Viện KSND TX. N ;
- Chi cục THADS TX. N ;
- UBND phường H ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Nhung